

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2017/HSST

Ngày: 09 /8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, ông: Đinh Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đinh Minh Tặng

2. Ông: Cao Xuân An

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Quốc Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá tham gia phiên tòa:
Ông: Nguyễn Tiến Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại Nhà văn hoá Tiểu khu 9, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2017/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân P, sinh ngày: 17/12/1987 tại: xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; trú tại: Bản O, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: sản xuất nông nghiệp; trình độ văn hoá: 6/12; con ông: T và bà L; có vợ là chị T và 02 đứa con, lớn nhất 06 tuổi nhỏ nhất 02 tuổi; tiền sự : Không; tiền án: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Xuân H, sinh ngày 22/10/1989 tại: xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; trú tại: Bản O, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: sản xuất nông nghiệp; trình độ văn hoá: 7/12; con ông: T và bà L; có vợ là chị V và 01 đứa con; tiền sự : Không; tiền án: Có 02 tiền án: Tháng 8 năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình xử phạt 13 tháng tù về tội “ Bắt giữ người trái pháp luật”; Tháng 11 năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xử phạt 12 tháng tù về tội” Tàng trữ sử dụng trái phép vật liệu nổ” chấp hành xong hình phạt ngày 10/5/2014; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2017 đến ngày 21/6/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “ Cho bảo lãnh”; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Xuân B sinh, ngày 27/11/1983 tại: xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; trú tại: Bản Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: sản xuất nông nghiệp; trình độ văn hoá: 4/12; con ông: T và bà Đ; có vợ là N và 02 đứa con lớn nhất 14 tuổi nhỏ nhất 11 tuổi ; tiền sự : Không; tiền án: không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

* Người bị hại:

1/. Ông V; trú tại: Bản O, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2/. Ông L; trú tại: Bản O, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt .

3/. Ông T; trú tại: Bản O, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

*Người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Trần Xuân T; trú tại Bản Y, xã T, huyện M, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn với anh V, nên Trần Xuân P có ý định chặt cây keo của anh V, để trả thù. Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 07/5/2017, bị cáo P gọi điện cho Trần Xuân H và Trần Xuân B với nội dung: Đi vào khu vực rừng của bản O giúp Phúc chặt phá vườn keo của anh L anh V. H và B đều đồng ý. Trần Xuân P vào trước dùng dao chặt phá vườn keo của anh L, một lúc sau H và B đi bộ vào cùng chặt phá vườn keo của anh L. P và B dùng dao chặt cây keo, còn H do không mang dao nên dùng tay bẻ gãy các cây keo. P, B, H chặt phá cây tại vườn keo của anh L sau đó chuyển sang chặt cây keo tại vườn của anh L. Một lúc sau cả ba bị cáo chuyển sang chặt phá vườn keo của anh V. Đến 01 giờ sáng ngày 08/5/2017 cả ba bị cáo thôi không chặt phá cây keo và đi về.

Tại Bản kết luận định giá số 15/2017/KLĐG của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Minh Hoá kết luận: Giá trị thiệt hại của 03 vườn cây keo (Tràm) tại thời điểm bị người khác chặt phá là: 7.190.000, đồng. Cụ thể như sau: Vườn cây keo của anh V bị chặt và bẻ gãy 270 cây, thiệt hại 2.565.000, đồng. Vườn cây keo của anh L bị chặt và bẻ gãy 100 cây, thiệt hại trị giá 1.680.000, đồng. Vườn cây của anh L bị chặt và bẻ gãy 310 cây trị giá thiệt hại là 2.945.000, đồng.

Cáo trạng số 17/THQCT-KSĐT-KT ngày 19/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá quyết định truy tố các bị cáo Trần Xuân P, Trần Xuân H, Trần Xuân B về tội “Huỷ hoại tài sản” theo khoản 1 điều 143 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, Điều 143; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân P từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 1, Điều 143; điểm p khoản 1 điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Bộ luật

hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân H từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 1, Điều 143; các điểm h, p khoản 1 điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 60, Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân B từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 con dao của Trần Xuân B dùng gây án; tịch thu sung công quỹ nhà nước 03 điện thoại di động, 01 đèn pin; trả lại cho anh T 01 con dao do bị cáo P sử dụng gây án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42, Bộ luật Hình sự buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh V số tiền 2.565.000, đồng, anh L số tiền 1.680.000, đồng, anh L số tiền 2.945.000, đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện Minh Hoá; Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi của các bị cáo:

Tại phiên toà các bị cáo đã nhất trí hoàn toàn với nội dung bản cáo trạng được đại diện Viện kiểm sát công bố và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các lời khai của những người tham gia tố tụng tại phiên toà, qua đó cho thấy:

Do tư thù cá nhân nên vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 07/5/2017, bị cáo Trần Xuân P đã điện thoại rủ hai bị cáo Trần Xuân H, Trần Xuân B đi chặt phá vườn cây keo của ba người bị hại Trần Xuân V. Ngay sau đó ba bị cáo đã vào vườn cây keo của anh V, anh L và anh L, P và B dùng dao chặt phá cây keo, Huy dùng tay bẻ gãy các cây keo tại vườn keo của ba người bị hại nói trên. Đến 01 giờ sáng ngày 08/5/2017 các bị cáo dùng chặt phá và đi về nhà. Hậu quả: Tại Bản kết luận định giá số 15/2017/KLDG của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Minh Hoá kết luận: Giá trị thiệt hại của 03 vườn cây keo (Tràm) tại thời điểm bị người khác chặt phá là: 7.190.000, đồng

Như vậy đã đủ căn cứ khẳng định các bị cáo Trần Xuân P, Trần Xuân H, Trần Xuân B phạm tội “Huỷ hoại tài sản” quy định tại khoản 1 điều 143, Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự quy định : “Người nào huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm” .

Xét tính chất hành vi, hậu quả của từng bị cáo gây ra vụ án cho thấy:

Bị cáo Trần Xuân P là người khởi xướng gọi cho hai bị cáo H và B cùng thực hiện hành vi phạm tội. Năm 2007 bị cáo đã bị Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2012 bị Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xử phạt 13 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, đến ngày 30/8/2013 chấp hành xong hình phạt . Do vậy cần áp dụng một hình phạt nghiêm minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo tiến bộ, đồng thời góp phần răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên xét thấy bị cáo đã ra đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Bộ luật Hình sự. Xét thấy cần tuyên phạt bị cáo mức án 14 tháng tù là bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Bị cáo Trần Xuân H là người cùng các bị cáo tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đang có 02 tiền án: Tháng 8/2012 bị Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xử phạt 13 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; tháng 11/2012 bị Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ”, chấp hành xong hình phạt ngày 10/5/2014. Bị cáo phạm tội khi chưa được xoá án tích do vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48, Bộ luật Hình sự khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy cần áp dụng một hình phạt nghiêm minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo tiến bộ, đồng thời góp phần răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46, Bộ luật Hình sự. Xét thấy cần tuyên phạt bị cáo mức án 12 tháng tù là bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Bị cáo Trần Xuân B là người cùng các bị cáo tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần áp dụng một hình phạt nghiêm minh, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo tiến bộ. Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46, Bộ luật Hình sự. Xét thấy cần áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự để xử cho bị cáo

hưởng mức án 06 tháng tù cho hưởng án treo là bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự vì các bị cáo là người thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số, Hội đồng xét xử xét thấy người thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số không thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự, nên không áp dụng cho các bị cáo. Các đề nghị khác của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đúng với quy định của pháp luật, nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo chưa bồi thường thiệt hại, những người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Do vậy cần áp dụng khoản 1 điều 42, Bộ luật hình sự; các quy định tại Điều 587, khoản 1 Điều 589, Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền thiệt hại cho ba người bị hại.

Về vật chứng vụ án: Vật chứng vụ án hiện đang được thu giữ gồm: 01 con dao là hung khí của bị cáo gây án và là vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu huỷ; 03 điện thoại di động, 01 đèn pin là phương tiện các bị cáo sử dụng gây án nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; 01 con dao của anh Trần Xuân T mà bị cáo chiếm dụng để gây án, nhưng anh T không biết việc bị cáo sử dụng con dao để gây án, nên cần trao trả cho chủ sở hữu; theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự

Về án phí: các bị cáo phải nộp 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số nên cần được miễn án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Xuân P, Trần Xuân H, Trần Xuân B phạm tội: “Huỷ hoại tài sản” .

2. Hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46, Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân P 14 (Mười bốn) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân H 12 (Mười hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 11/5/2017 đến ngày 21/6/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm h, p, khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân B 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 09/8/2017). Giao bị cáo Trần Xuân Bằng cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình và gia đình bị cáo giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

3.Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 điều 42, Bộ luật hình sự; các quy định tại Điều 587, khoản 1 Điều 589, Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền thiệt hại cho ba người bị hại: Bồi thường cho anh V 2.565.000,đồng (Hai triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng), trong đó phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 855.000, đồng; bồi thường cho anh L số tiền 1.680.000, đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng), trong đó phần của của mỗi bị cáo phải bồi thường là 560.000, đồng; bồi thường cho anh L số tiền 2.945.000, đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), trong đó phần bị cáo Phúc phải bồi thường số tiền 985.000, đồng, hai bị cáo H và B mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 980.000, đồng.

Nếu chậm trả tiền bồi thường, các bị cáo còn phải trả lãi suất số tiền chậm trả cho người bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468, Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 42, Bộ luật Hình sự; Điều 76, Bộ luật Tố tụng Hình sự quyết định xử lý các vật chứng vụ án sau đây hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình (Theo biên bản bàn giao vật chứng giữa CQĐT Công an huyện Minh Hóa với Chi cục THADS huyện Minh Hóa, ngày 21/7/2017):

- Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao dài 41cm; cán làm bằng gỗ dài 13,5cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 27,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao rộng 08cm, phần hẹp nhất của lưỡi dao rộng 03cm; nối giữa phần lưỡi dao và cán có vòng kim loại màu bạc, phần cuối cán dao có vòng kim loại màu bạc; con dao đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 03(Ba) điện thoại di động có đặc điểm:

01 (một) điện thoại di động hãng Mupphone- X13, màu sơn đen đỏ, máy đã qua sử dụng.

01 (Một) điện thoại di động hãng Masstel – A103, màu sơn: vỏ màu da cam, viền màu đen và bàn phím màu đen, máy đã qua sử dụng.

01 (Một) điện thoại di động hãng GOLY – G309, màu sơn vàng, màn hình màu đen, máy đã qua sử dụng.

+ 01 đèn pin (loại đeo trên đầu), phần đầu hình tròn đường kính 06cm được bọc một lớp vỏ nhựa màu đen phía sau lớp vỏ nhựa màu đen được nối với lớp vỏ nhựa màu vàng, hình vòng cung. Phần thân đèn có hình lập phương, kích thước (07 x 5,5 x 2,2) cm, sơn màu vàng đen, dây đèn là dây chun màu đen dài 34cm rộng 2,5cm, đèn pin đã qua sử dụng.

- Trao trả cho người có quyền lợi liên quan đến vụ án anh T 01 con dao dài 43,5cm; cán bằng gỗ dài 13cm; lưỡi dao làm bằng kim loại dài 30,5cm, phần rộng nhất 07cm, hẹp nhất rộng 2,5cm, nối giữa cán và lưỡi dao bằng vòng kim loại, cuối cán dao bọc bằng vòng kim loại.

5. Án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc các bị cáo Trần Xuân P, Trần Xuân H, Trần Xuân B, mỗi bị cáo phải nộp 200.000, đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Án xử công khai báo cho các bị cáo, người bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/8/2017), người bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Trần Xuân B).

Nơi nhận

- VSND huyện Minh hóa,
- Tòa án ND tỉnh Quảng bình
- C.A huyện Minh hóa,
- Sở TP Quảng Bình
- C.C thi hành án DS Minh hóa,
- Bị cáo, Người bị hại,
- Người có QLLQVA
- Lưu hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thanh Quang

